

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 379/QĐ-CDKTNTT ngày 01 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ)

Tên ngành, nghề: LOGISTICS
Mã ngành, nghề: 6340113
Trình độ đào tạo: Cao đẳng liên thông

Đối tượng tuyển sinh:

- Tốt nghiệp THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa THPT theo quy định của Bộ GD&ĐT và có bằng tốt nghiệp trung cấp, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp ngành Logistics
- Tốt nghiệp THCS nhưng phải học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa THPT theo quy định của Bộ GD&ĐT và có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp ngành Logistics

Thời gian khóa học: 1,0 năm học

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành nghề đào tạo

UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt “Đề án phát triển ngành Logistics trên địa bàn thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Trong đó, thành phố sẽ xây dựng 7 trung tâm Logistics, với tổng diện tích hơn 620ha. Tổng nhu cầu vốn phát triển ngành Logistics giai đoạn này gần 96.000 tỷ đồng. Từ đó, đưa ngành Logistics thành ngành dịch vụ mũi nhọn, là thị trường tiềm năng cho lực lượng lao động trong tương lai.

Theo đuổi ngành học này, người học sẽ được trang bị các kiến thức và kỹ năng giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động Logistics như: chuẩn bị, sắp xếp, đóng gói, kê kí mã hiệu và bảo quản hàng hóa, vận chuyển hàng hóa ra cảng và làm thủ tục thông quan xuất khẩu hoặc nhập khẩu. Bên cạnh đó, người học còn biết cách phân tích tình hình hoạt động Logistics tại các doanh nghiệp.

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Logistics trình độ cao đẳng tại trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ trang bị cho người học kiến thức về cơ sở lý luận nền tảng, kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phù hợp với công việc trong lĩnh vực Logistics, có khả năng tự học tập, làm việc và thăng tiến trong môi trường làm việc, cũng như khả năng hội nhập cao khi tham gia thị trường lao động khu vực và quốc tế.

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng và được công nhận danh hiệu cử nhân thực hành ngành Logistics, đủ khả năng tiếp tục học lên chương trình đại học.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo cung cấp kiến thức, trang bị kỹ năng và giúp người học hình thành các thái độ cần thiết nhằm:

2.2.1. Kiến thức:

Có kiến thức chuyên môn để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động Logistics, và phân tích tình hình hoạt động Logistics tại các tổ chức:

- + Trình bày được các kiến thức cơ bản về giáo dục chính trị, giáo dục quốc phòng và an ninh, pháp luật, giáo dục thể chất;

- + Trình bày được các kiến thức chuyên môn về quản trị thương hiệu, bảo hiểm hàng hải, thương mại điện tử cơ bản, dịch vụ khách hàng trong Logistics, quản trị rủi ro, phân tích hoạt động kinh doanh.

- + Xác định được vị trí, vai trò, nhiệm vụ của ngành nghề Logistics;

- + Xác định được quy trình và nội dung làm việc tại một doanh nghiệp Logistics;

- + Xác định được cách thiết lập và duy trì mối quan hệ với đối tác và khách hàng;

- + Cập nhật được các quy định và chính sách về thủ tục kinh doanh xuất nhập khẩu;

- + Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ và tin học để ứng dụng trong hoạt động Logistics;

2.2.2. Kỹ năng:

Hình thành được kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần thiết bao gồm những kỹ năng liên quan đến việc thu thập thông tin, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, cũng như các kỹ năng tổng hợp, phân tích, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện hiệu quả trong hoạt động Logistics:

- + Thực hiện được các nghiệp vụ Logistics như: Vận tải, kho bãi, xuất nhập khẩu hàng hóa;

- + Thực hiện được các phương thức vận tải hàng hóa, thủ tục hải quan;

- + Sử dụng được các công cụ marketing nhằm thuyết phục khách hàng thuê các dịch vụ Logistics;

- + Thiết lập, phòng ngừa rủi ro trong hoạt động logistics.

- + Ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động logistics.

- + Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt trình độ A2, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- + Có kỹ năng rèn luyện thể chất để tăng hiệu suất làm việc, và nâng cao khả năng chịu áp lực trong công việc;

- + Có khả năng sử dụng kỹ năng phần mềm cần thiết cho phát triển bản thân và nghề nghiệp.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có đạo đức nghề nghiệp vững vàng, phẩm chất tốt để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế thế giới:

+ Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng và pháp luật Nhà Nước, nội qui làm việc tại đơn vị;

+ Giao tiếp hiệu quả thông qua viết văn bản, thuyết trình, làm việc nhóm, làm chủ tình huống;

+ Hỗ trợ được các thành viên trong nhóm hay bộ phận hoàn thành được mục tiêu trong công việc;

+ Làm việc theo chuẩn đạo đức nghề nghiệp, và tuân thủ đúng luật thương mại, luật lao động, chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh;

+ Có tinh thần hợp tác trong công việc, thiện chí trong tiếp nhận ý kiến, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công việc;

+ Thích nghi được với môi trường làm việc khác nhau;

+ Có ý thức bảo vệ an toàn sức khỏe, và môi trường trong hoạt động Logistics;

+ Ý thức trách nhiệm tự giác tham gia bảo vệ môi trường;

+ Thích ứng được với sự thay đổi trong thời đại 4.0;

+ Có ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực, và trình độ chuyên môn thích ứng với sự phát triển kinh tế - xã hội.

- *Chính trị, đạo đức:*

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

+ Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước;

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;

3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

- Sau khi tốt nghiệp người học có thể làm việc ở những tổ chức và đảm nhận các vị trí công việc như:

+ Nơi làm việc:

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra ngành, nghề Logistics trình độ cao đẳng Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ, chủ yếu làm việc tại các bộ phận, phòng ban về vận tải, kho bãi, xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp có hoạt động Logistics gồm: Hãng tàu, hãng hàng không, công ty giao nhận, kho hàng, công ty chuyển phát nhanh, công ty thương mại điện tử, kho hàng, trung tâm phân phối hàng, công ty xuất nhập khẩu, đại lý thương mại, nhà bán lẻ, doanh nghiệp sản xuất...

+ Vị trí việc làm có thể đảm nhận:

Người học có thể đảm nhiệm các vị trí công việc như: Nhân viên xuất nhập khẩu, nhân viên giao nhận, đại lý hãng tàu, nhân viên quản lý chất lượng, nhân viên thu

mua, nhân viên thủ kho, nhân viên bán hàng, nhân viên hoạt động trong lĩnh vực phân phối, bán lẻ...

+ Về cơ hội phát triển nghề nghiệp, với kiến thức và kỹ năng được cung cấp trong chương trình cũng như quá trình tự phấn đấu, người học có cơ hội thăng tiến và phát triển tại vị trí công việc cao hơn, học lên ở các trình độ cao hơn, hoặc khởi nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực Logistics.

- Khả năng học tập và nâng cao trình độ:

Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc liên thông liên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề, hoặc trong nhóm ngành, nghề, hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô-đun: **15** môn học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **945** giờ (**36** tín chỉ)

- Khối lượng các môn học chung: **225** giờ

- Khối lượng các môn học, mô-đun chuyên môn: **585** giờ

- Khối lượng lý thuyết: **211** giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm...: **734** giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

STT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (Năng lực chung)	
1	NLCB-042-01	Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và đọc, hiểu các tài liệu chuyên ngành.
2	NLCB-042-02	Sử dụng công nghệ thông tin và công nghệ số.
3	NLCB-042-03	Thực hiện sơ cấp cứu cơ bản.
4	NLCB-042-04	Rèn luyện thân thể và đạo đức nghề nghiệp.
II	Năng lực cốt lõi (Năng lực chuyên môn)	
5	NLCL-042-01	Nắm bắt được quy trình quản trị chuỗi cung ứng của doanh nghiệp từ sản xuất, kho bãi, vận tải, phân phối
6	NLCL-042-02	Thiết lập thương hiệu, bảo vệ tài sản thương hiệu và sức khỏe thương hiệu cho doanh nghiệp
7	NLCL-042-03	Nắm bắt kiến thức về bảo hiểm trong hoạt động vận tải hàng hóa đường biển
8	NLCL-042-04	Ứng dụng các kiến thức về hoạt động thương mại điện tử

		cho lĩnh vực logistics
9	NLCL-042-05	Đảm nhận công việc phù hợp liên quan đến hoạt động logistics
10	NLCL-042-06	Thiết lập phòng ngừa rủi ro trong hoạt động logistics cho doanh nghiệp
11	NLCL-042-07	Xây dựng, cung cấp dịch vụ logistics mà khách hàng cần
12	NLCL-042-08	Phân tích hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics trong doanh nghiệp
III Năng lực nâng cao		
13	NLNC-042-09	Mua bán, giao dịch sản phẩm logistics qua sàn thương mại điện tử
14	NLNC-042-10	Cập nhật thường xuyên chính sách, quy định của tổ chức, hiệp định thương mại mà Việt Nam là thành viên để hưởng ưu đãi thuế quan

6. Nội dung chương trình:

STT	MÃ MH/MĐ	TÊN MÔN HỌC / MÔ-ĐUN	SỐ TÍN CHỈ	THỜI GIAN HỌC TẬP (giờ)			
				TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		
					LT	TH, TT...	Thi, KT
I. CÁC MÔN HỌC CHUNG			10	225	61	149	15
1	120101	Giáo dục Chính trị	2	45	15	27	3
2	110102	Giáo dục QP và AN	3	75	15	57	3
3	120103	Giáo dục thể chất	1	30	1	26	3
4	120104	Pháp luật	1	15	9	4	2
5	120105	Tiếng Anh	2	30	21	6	3
6	520101	Tin học	1	30	0	29	1
II. CÁC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHUYÊN MÔN			23	585	150	409	26
<i>II.1. MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHUYÊN MÔN</i>			<i>20</i>	<i>450</i>	<i>150</i>	<i>274</i>	<i>26</i>
7	610409	Quản trị chuỗi cung ứng	3	60	30	27	3
8	610213	Thương mại điện tử cơ bản	2	45	15	27	3

9	610427	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	45	15	27	3
10	610424	Quản trị thương hiệu	2	45	15	27	3
11	610425	Bảo hiểm hàng hải	2	45	15	27	3
12	610426	Dịch vụ khách hàng trong logistics	2	45	15	27	3
13	610422	Thực hành Logistics	4	105	15	85	5
14	610420	Quản trị rủi ro	3	60	30	27	3
II.2. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP			3	135	0	135	0
15	620402	Thực tập tốt nghiệp	3	135	0	135	0
TỔNG CỘNG			36	945	211	693	41

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1 Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

7.2 Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng ngành, nghề để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng qui định.

Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, người học có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại,...	Mỗi học kỳ 1 lần

